

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2018

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ĐÀM THỊ BÍCH NGỌC**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **NGUYỄN THỊ LÝ**

2. Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

-Thư ký phiên tòa: Bà **TRẦN THỊ HỒNG** – *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang : Bà **LÊ THỊ ÁNH DƯƠNG** – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1142/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về yêu cầu “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ S**- Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 18 V, V, Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **TRƯƠNG VĂN P** - Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 4 P, P, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/10/2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:* Bà và ông Trương Văn P tự nguyện chung sống với nhau năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2002. Trong quá trình chung sống, bà và ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà và ông P đã sống ly thân nhau nhiều năm nay, ông P không còn quan tâm đến vợ con. Trong thời gian sống ly thân bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng đã tự nguyện rút đơn để tự hòa giải mâu thuẫn nhưng không được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Phước.

Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung là cháu Trương Thị Thanh P– sinh ngày 01/7/2001. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trương Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có lời khai.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.*

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Trương Văn P; về con chung: giao con chung là Trương Thị Thanh P – sinh ngày 01/7/2001 cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà S không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Văn P đã được Tòa triệu tập hợp lệ trong các phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Văn P.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bà S, xác định bà Nguyễn Thị S và ông Trương Văn P có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Nha Trang, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông P và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Thị Thanh P.

Xét: Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà S và ông P phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm nhau, bà và ông P đã sống ly thân nhau nhiều năm nay, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Bà S cũng đã nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng tự nguyện rút đơn để các bên hàn gắn tình cảm nhưng không được. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống chung vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Trương Văn P có 01 con chung cháu Trương Thị Thanh P - sinh ngày 01/7/2001. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của bà S được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trương Thị Thanh P, ý kiến của cháu P cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà S, giao con chung là cháu Trương Thị Thanh P cho bà S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Trương Văn P.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Thị Thanh P - sinh ngày 01/7/2001 cho bà Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0007596 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Trương Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA.DS TP.Nha Trang;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã V (quyển: 01/2002; số 67; ngày 23/9/2002)
- Lưu án văn, hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Đàm Thị Bích Ngọc